

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HS-ST
Ngày 02/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Thu Hiền và ông Bùi Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST- HS ngày 21 tháng 6 năm 2021 đối với:

1. Bị cáo: Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 31/5/1993.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn K, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1966; Có vợ: Trần Thị Huyền T, có 01 con sinh năm 2013.

Tiền sự: không; Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 47 ngày 10/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xử phạt Nguyễn Xuân Đ 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc.

Tiền án: Bản án số 27/2018/HS-ST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt Nguyễn Xuân Đ 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 4 năm 6 tháng tính từ ngày 22/6/2018 về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/7/2020 chuyển tạm giam từ ngày 24/7/2020, trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1990 và chị Trần Thị H, sinh năm 1991

Đều có nơi cư trú: Số nhà 11, đường L, tổ 7, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vũ Tường L, sinh năm 1972; (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn 3, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình;

- Anh Vũ Quang T (tên gốc khác Vũ Văn T), sinh năm 1982;(vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

4. Người làm chứng

- Anh Vũ Thế N, sinh năm 1976 và chị Vũ Thị H, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Anh Bùi Văn C, sinh năm 1992; (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Anh Phan Tiến H, sinh năm 1972; (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nhau từ trước, khoảng cuối năm 2018 Nguyễn Xuân Đ đã nhiều lần thuê xe ô tô tự lái của anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1990 và chị Trần Thị H, sinh năm 1991; Đều có nơi cư trú: Số nhà 11, đường L, tổ 7, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Ngày 03/5/2019, anh L cho Đ thuê xe ô tô Accent biển số 17A-105.72 mang tên chị Trần Thị H (xe đang được thế chấp làm tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam chi nhánh Hai Bà Trưng, Hà Nội), hình thức thuê xe theo ngày, hai bên thỏa thuận giá 16.000.000 đồng/1 tháng (16 triệu) nhưng không làm hợp đồng thuê xe bằng văn bản, chỉ thỏa thuận bằng miệng Đ sử dụng xe làm phương tiện đi lại. Anh L giao xe ô tô kèm 01 Chứng nhận kiểm định và 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô có công chứng cho Đ.

Bản thân Đ tự học lái xe ô tô nhưng không được Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép lái xe ô tô. Đ lên mạng xã hội facebook thì đọc được bài đăng bán giấy tờ giả có để lại số điện thoại. Đ đã liên hệ với số điện thoại trên rồi cung cấp ảnh, thông tin cá nhân của Đ qua mạng Facebook để đặt mua Giấy phép lái xe ô tô. Sau đó khoảng 10 ngày thì có một người đàn ông không xác định được tên, đặc điểm gọi điện hẹn gặp và giao cho Đ 01 Giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 31/5/1993 cư trú tại xã Q, huyện K để số 340152007916, ngày cấp 16/11/2015, nơi cấp Sở giao thông vận tải tỉnh Thái Bình. Đ đã thanh toán cho người đàn ông này số tiền 1.500.000 đồng. Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên Đ đã nảy sinh ý định làm giả Chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Đ để mang xe đi cầm cố lấy tiền. Tháng 5/2019, Đ đã gửi

thông tin cá nhân, thông tin liên quan đến chiếc xe và đặt mua 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho xe Accent biển số 17A-105.72 mang tên Đ. Khoảng 01 tuần sau, có một người đàn ông không xác định được tên, địa chỉ gọi điện gấp và giao cho Đ 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Xuân Đ số 019218, cấp ngày 28/6/2018 cho xe Accent biển số 17A105.72, Đ đã trả cho người này 1.200.000 đồng. Khoảng đầu tháng 6/2019, Đ đã đến nhà anh Vũ Văn T, sinh năm 1982, trú tại thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình là người làm nghề mua bán xe ô tô và phụ tùng xe ô tô hỏi vay anh T 300.000.000 đồng và để lại chiếc xe Accent, Chứng nhận kiểm định cùng Chứng nhận đăng ký xe ô tô Đ đã mua để làm tin. Anh T kiểm tra thấy xe và Chứng nhận đăng ký xe phù hợp nên đã đồng ý và đưa cho Đ vay 300.000.000 đồng. Sau đó anh T gửi xe tại bãi để xe của anh Vũ Thế N, sinh năm 1976 trú tại thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình là anh rể của anh T.

Ngày 21/6/2019, anh L tiếp tục cho Đ thuê chiếc xe ô tô Wigo biển số 17A-141.21 của vợ chồng anh L, chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Bùi Văn C, sinh năm 1992 trú tại thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình (xe đang được thế chấp làm tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Hà Nội, phòng giao dịch Ba Đình), hình thức thuê xe theo tháng với giá 12.000.000 đồng/1 tháng. Anh L đã đưa xe cho Đ kèm 01 Giấy chứng nhận kiểm định và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô bản phô tô có công chứng. Trong tháng 7/2019 Đ đã gửi thông tin cá nhân, thông tin liên quan đến chiếc xe và đặt mua 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô cho xe Wigo biển số 17A-141.21 mang tên Đ. Khoảng 10 ngày sau, có 1 người đàn ông không xác định được tên, địa chỉ gọi điện gấp và giao cho Đ 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Xuân Đ số 025494, cấp ngày 14/6/2019 cho xe Wigo biển số 17A-141.21, Đ đã trả cho người này 1.200.000 đồng.

Sau khi mua được Chứng nhận đăng ký của chiếc xe, Đ đến nhà anh Phan Tiến H, sinh năm 1972 trú tại thôn N, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình làm nghề mua bán xe ô tô hỏi vay anh H 250.000.000 đồng và để lại chiếc xe Wigo, Chứng nhận kiểm định cùng với Chứng nhận đăng ký xe ô tô Đ đã mua để làm tin. Anh H kiểm tra thấy xe và Chứng nhận đăng ký xe phù hợp nên đã đồng ý và đưa cho Đ vay 250.000.000 đồng. Ngày 17/7/2019, Đ hỏi vay anh H thêm 30.000.000 đồng nhưng anh H không đồng ý. Đ đã nhờ anh H nếu biết có ai mua xe thì giới thiệu để Đ bán. Do anh H biết anh Vũ Tường L có nhu cầu mua xe ô tô nên anh H đã điện thoại cho anh L để hẹn anh L và Đ gặp nhau tại nhà anh H. Sáng ngày 18/7/2019, tại nhà anh H, Đ và anh L đã trực tiếp trao đổi việc mua bán xe, anh L kiểm tra xe, Chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Đ và đồng ý mua xe với giá 280.000.000 đồng. Đ đã viết tay Giấy bán xe và anh L viết Giấy bán xe theo mẫu in sẵn đề ngày 18/7/2019 đều có chữ ký của Đ và anh L. Anh L

đưa cho Đ 250.000.000 đồng, Đ đã cầm và đưa trả anh H 250.000.000 đồng, anh L hẹn khi nào Đ đưa cho anh L chìa khóa phụ và giấy bảo hiểm của xe thì anh L sẽ trả nốt số tiền 30.000.000 đồng. Buổi chiều cùng ngày, Đ và anh L đến Ủy ban nhân dân xã Quang Bình xin xác nhận vào Giấy bán xe và được ông Lê Quang H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Quang Bình xác nhận, ký tên đóng dấu. Ngày 26/7/2019, anh L đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Bình làm thủ tục sang tên xe thì được Phòng cảnh sát giao thông cung cấp thông tin chiếc xe anh L mua của Đ chủ xe mang tên anh Bùi Văn C và xe đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng. Anh L đã gọi điện yêu cầu Đ trả lại tiền, Đ hứa 01 tuần sau sẽ trả. Khoảng 01 tuần sau anh L gọi điện cho Đ, Đ vẫn khất sẽ trả lại tiền, sau đó anh L không liên lạc được với Đ. Tháng 8/2019 anh L đã trình báo sự việc cho Cơ quan điều tra.

Khi biết chiếc xe Wigo của anh L đã bị mang đi bán, anh C thông tin cho anh L. Anh L gọi điện hỏi thì Đ thừa nhận đã bán chiếc xe Wigo cho anh L và đặt chiếc xe Accent cho anh T để vay tiền. Anh L kiểm tra định vị của xe Accent thì phát hiện chiếc xe đang để ở bãi xe của anh N. Anh L đã đến bãi xe gặp anh T thì anh T bảo anh L liên hệ với anh N để làm việc về chiếc xe. Anh L và anh N đã gặp và thỏa thuận anh L chuyển cho anh T 70.000.000 đồng thì anh L mới lấy xe về. Anh L đã chuyển cho anh T 70.000.000 đồng qua tài khoản của chị Vũ Thị H, sinh năm 1979 là vợ anh N và đã nhận lại chiếc xe Accent.

Đối với số tiền 300.000.000 đồng Đ đã vay của anh Vũ Văn T do để xe ô tô Accent biển số 17A-105.72 lại làm tin và số tiền 250.000.000 đồng Đ bán xe ô tô Wigo biển số 17A-141.21 cho anh Vũ Tường L, Đ sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân và đánh bạc với một số người không quen biết (địa điểm đánh bạc Đ không nhớ), sau đó Đ bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 25/9/2019, anh Nguyễn Xuân L trình báo với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình về việc Nguyễn Xuân Đ thuê của anh L 01 chiếc xe ô tô Hyundai nhãn hiệu Accent biển số 17A-105.72 và 01 xe ô tô Toyota nhãn hiệu Wigo biển số 17A-141.21, sau đó Đ không trả xe ô tô lại.

+ Kết luận giám định số 20/KLGD-PC09 ngày 12/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: số máy, số khung xe ô tô biển số 17A-105.72 không bị tẩy xóa, sửa chữa, đục lại (bút lục số 320);

+ Kết luận giám định số 14/KLGD-PC09 ngày 05/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: hàng chữ, chữ số 3NRH394346, GE5VKJ003387 đóng trên thân máy, khung xe của xe Toyota Wigo đeo biển số 17A-141.21 không bị tẩy xóa, sửa chữa, đục lại (bút lục số 339);

+ Kết luận giám định số 78/KLGD-PC09 ngày 05/9/2019 kết luận: Giấy phép lái xe ô tô số 340152007916, ngày cấp 16/11/2015, họ tên Nguyễn Xuân Đ, ngày sinh 31/05/1993. Quốc tịch: Việt Nam. Nơi cư trú: X. Q, H. K, T. Thái

Bình. Hình dấu tròn có nội dung: Sở giao thông vận tải tỉnh Thái Bình là giả (bút lục số 334);

+ Kết luận giám định số 77/KLGD-PC09 ngày 05/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025494, ngày cấp 14/06/2019, chủ xe Nguyễn Xuân Đ, địa chỉ: Q, K, Thái Bình, nhãn hiệu Toyota, loại xe: ô tô con, màu sơn đỏ, số máy 3NRH394346, số khung GE5VKJ003387, biển số đăng ký 17A-141.21, hình dấu tròn có nội dung: Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Bình là giả (bút lục số 329);

+ Kết luận giám định số 98/KLGD-PC09 ngày 07/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019218, ngày cấp 28/06/2018, chủ xe Nguyễn Xuân Đ, địa chỉ: Q, K, Thái Bình, nhãn hiệu Hyundai, loại xe: ô tô con, màu sơn trắng, số máy G4LCJU978459, số khung 41BAJN001722, biển số đăng ký 17A-105.72, hình dấu tròn có nội dung: Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Bình là giả (bút lục số 323);

+ Công văn của Sở giao thông vận tải Thái Bình về việc không cấp Giấy phép lái xe số 340152007916 cho Nguyễn Xuân Đ, giấy phép lái xe là giả (bút lục số 237).

+ Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đối với 02 chiếc xe ô tô (bút lục số 239, 240);

+ Giấy bán, cho, tặng xe đề ngày 18/7/2019 có nội dung Nguyễn Xuân Đ bán xe ô tô biển số 17A-141.21 cho Vũ Tường L (có chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã Quang Bình, huyện Kiến Xương ngày 18/7/2019); 01 giấy bán xe có nội dung Nguyễn Xuân Đ bán cho Vũ Tường L xe ô tô biển số 17A-141.21 giá 280 triệu đồng, đã nhận đủ tiền và giao xe cùng giấy tờ (bút lục số 44, 45);

+ Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 10/9/2019 kết luận xe ô tô Toyota Wigo biển kiểm soát 17A-141.21 trị giá 320 triệu đồng (bút lục số 341);

+ Kết luận định giá tài sản số 05/KLĐG-HĐĐG ngày 20/8/2020 kết luận xe ô tô Hyundai biển số 17A-105.72 trị giá 400 triệu đồng (bút lục số 344);

Bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 13/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trong bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh và hình phạt: Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo từ 13 năm đến 14 năm tù. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Đ phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, xử phạt bị cáo từ 3 năm 6 tháng đến 04 năm tù. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của hai tội danh đề nghị từ 16 năm 6 tháng đến 18 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2020; chuyển hình phạt 2 năm 3 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 4 năm 6 tháng về tội “Đánh bạc” tại bản án số 27/HSST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình vì bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại 01 xe ô tô Wigo biển số 17A - 141.21 và chứng nhận kiểm định xe ô tô cho anh Nguyễn Xuân L. Tịch thu tiêu hủy 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Wigo biển số 17A - 141.21, 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Accent biển số 17A - 105.72, 01 Giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Xuân Đ

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Đ bồi thường số tiền 300.000.000 đồng cho anh Vũ Văn T. Buộc bị cáo Đ bồi thường số tiền 250.000.000 đồng cho anh Vũ Tường L.

Tại phần tranh luận, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân Đ có quan điểm nhất trí với bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều, khoản, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là điều hợp pháp.

Anh T, anh N triệu tập hợp lệ vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 291, 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp và thống nhất với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Kết luận giám định số 20/KLGD-PC09 ngày 12/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Kết luận giám định số 14/KLGD-PC09 ngày 05/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Kết luận giám định số 78/KLGD-PC09 ngày 05/9/2019; Kết luận giám định số 77/KLGD-PC09 ngày 05/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Kết luận giám định số 98/KLGD-PC09 ngày 07/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Công văn của Sở giao thông vận tải Thái Bình về việc không cấp Giấy phép lái xe số 340152007916 cho Nguyễn Xuân Đ; Giấy bán xe đề ngày 18/7/2019; Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 10/9/2019; Kết luận định giá tài sản số 05/KLĐG-HĐĐG ngày 20/8/2020 cùng các tài liệu, chứng cứ chứng minh khác.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng giữa năm 2018, Nguyễn Xuân Đ liên hệ qua mạng xã hội facebook, cung cấp thông tin cá nhân của Đ cho một người không xác định được danh tính để mua 01 Giấy phép lái xe ô tô giả hạng B2 mang tên Nguyễn Xuân Đ với giá 1.500.000 đồng. Sau đó Đ đã thuê của anh Nguyễn Xuân L và chị Trần Thị H xe ô tô Hyundai nhãn hiệu Accent biển số 17A-105.72 (trị giá 400.000.000 đồng) và xe ô tô Toyota nhãn hiệu Wigo biển số 17A141.21 (trị giá 320.000.000 đồng) để sử dụng vào việc đi lại. Do cần tiền chi tiêu cá nhân, Đ đã làm giả Chứng nhận đăng ký xe ô tô của 02 chiếc xe trên mang tên Đ rồi đặt chiếc xe Accent làm tin để vay của anh Vũ Văn T số tiền 300.000.000 đồng và bán chiếc xe Wigo cho anh Vũ Tường L lấy 250.000.000 đồng. Số tiền trên, Đ sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân và đánh bạc. Tổng trị giá 02 chiếc xe ô tô Đ đã chiếm đoạt là 720.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người và đúng pháp luật.

Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc

dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b)

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

b) ...

4. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

Điều 341: Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a) Có tổ chức;

b)

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên;

b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng;

c) ...

[2.2] Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, đến các hoạt động

của các cơ quan Nhà nước và các tổ chức. Bị cáo Đ có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có sức khỏe tốt, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân nhưng vì bản chất lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Mặc dù biết rõ hành vi làm giả giấy tờ tài liệu của cơ quan tổ chức Nhà nước là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tạo lòng tin đối với người khác để vay tiền, bán tài sản không thuộc quyền sở hữu của mình bị cáo đã 03 lần nhờ người khác (không rõ lai lịch) để làm giả 02 giấy đăng ký xe ô tô và 01 giấy phép lái xe ô tô thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh chống, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[2.3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có 01 tiền án, chưa được xóa án tích lại phạm tội mới; bị cáo 03 lần làm giả giấy tờ, trong đó 02 lần để thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, do vậy bị cáo bị áp dụng 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h và “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g điều khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với cả 02 tội danh.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi của mình, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đối với tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[2.4] Do lần phạm tội này, bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách đối bản án số 27/2018/HSST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 2 năm 3 tháng tù nhưng cho hưởng án treo nên áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt tù 2 năm 3 tháng tù tại bản án này. Đồng thời áp dụng điều 55, điều 56 Bộ luật hình sự 2015 để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là anh Nguyễn Xuân L và chị Trần Thị H không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về việc hao mòn tài sản, tiền thuê 02 xe ô tô còn lại chưa thanh toán và hoàn trả số tiền 70 triệu đồng đã tự nguyện bỏ ra chuộc xe xe ô tô Wigo biển số 17A-141.21. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị hại, không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Áp dụng các điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Đ bồi thường số tiền 300.000.000 đồng cho anh Vũ Văn T. Buộc bị cáo Đ bồi thường số tiền 250.000.000 đồng cho anh Vũ Tường L.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Wigo biển số 17A - 141.21; 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Accent biển số 17A - 105.72; 01 Giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Xuân Đ là giấy tờ giả không do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe ô tô Wigo biển số 17A - 141.21 và 02 chứng nhận kiểm định xe là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Xuân L và chị Trần Thị H nên cần trả lại.

[6] Đối với người đàn ông đã 03 lần làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo yêu cầu của bị cáo Đ hiện chưa xác định được danh tính nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2020.

2.2 Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2020.

2.3 Áp dụng điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt tù 2 (hai) năm 3 (ba) tháng tù tại bản án số 27/2018/HSST ngày 22/6/2018 của tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 2 (hai) năm 3 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. (do bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách)

2.4 Áp dụng Điều 55, điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của hai tội danh, hình phạt tù của bản án số 27/2018/ HSST ngày 22/6/2018 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là 19 (mười chín) năm 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Nguyễn Xuân L và chị Trần Thị H không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về việc hao mòn tài sản, tiền thuê 02 xe ô tô còn lại chưa thanh toán và hoàn trả số tiền 70 triệu đồng đã tự nguyện bỏ ra chuộc

xe xe ô tô Wigo biển số 17A-141.21. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị hại, không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Áp dụng các điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Đ bồi thường số tiền 300.000.000 đồng cho anh Vũ Văn T, sinh năm 1982 địa chỉ Thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Buộc bị cáo Đ bồi thường số tiền 250.000.000 đồng cho anh Vũ Tường L, sinh năm 1972 địa chỉ: Thôn 3 xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Wigo biển số 17A - 141.21; 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Accent biển số 17A - 105.72; 01 Giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Xuân Đ.

- Trả lại 01 xe ô tô Wigo biển số 17A - 141.21 và 02 chứng nhận kiểm định xe ô tô cho anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1990 và chị Trần Thị H, sinh năm 1991 đều có địa chỉ: Số nhà 11, đường L, tổ 7, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình

(Vật chứng có đặc điểm mô tả như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình ngày 14/5/2021)

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đ phải chịu 36.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, anh L, chị H, anh L, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 02/7/2021. Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Hằng

